

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2724/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Phụng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4134/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê C, sinh năm 1970

Địa chỉ thường trú: 80 đường số x, khu phố y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 57/2B đường số z, khu phố n, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị C1, sinh năm 1971

Địa chỉ thường trú: 80 đường số x, khu phố y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 57/2B đường số z, khu phố n, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê C và bà Võ Thị C1 tự nguyện yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Nghĩa Bình (nay là

tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 01/5/1989. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà C1 thiếu tôn trọng ông và gia đình ông. Thời gian qua ông đã cố gắng nhẫn nhịn để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên không có kết quả, tính tình bà C1 vẫn không thay đổi. Hiện nay ông và bà C1 mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm gì đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông Cyêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Võ Thị C1.

- Về con chung: Ông C và bà C1 có 02 (hai) con chung tên Lê Huy Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Lê Thị Kim P, sinh ngày 27/02/1996 (đều trên 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông C xác định không có.

Bị đơn bà Võ Thị C1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà Võ Thị C1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà C1 vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê C được ly hôn bà Võ Thị C1; con chung của ông C, bà C1 nay đều trên 18 tuổi nên không giải quyết; Về tài sản chung: đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; ông Lê C yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị C1, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Võ Thị C1 có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Tại phiên tòa ông Lê C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Bị đơn bà Võ Thị C1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi) chứng nhận ngày 01/5/1989 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê C và bà Võ Thị C1 là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông Lê C xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Võ Thị C1 không đến để hòa giải đoàn tụ đã thể hiện tình cảm vợ chồng ông C, bà C1 không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê C được ly hôn với bà Võ Thị C1 theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của ông C phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 49/2021 ngày 26/02/2021 và số 99/1996 ngày 01/4/1996 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đủ căn cứ xác định ông C và bà C1 có hai người con chung tên Lê Huy Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Lê Thị Kim P, sinh ngày 27/02/1996. Các con của ông C, bà C1 đến nay đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung: Ông C khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Ông C khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Lê C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê C:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê C được ly hôn với bà Võ Thị C1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 01/5/1989 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi)).

1.2 Về con chung: Hai con chung tên Lê Huy Đ, sinh ngày 14/9/1991 và Lê Thị Kim P, sinh ngày 27/02/1996 (đều trên 18 tuổi).

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông C xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng ông C phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058814 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu